



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM - VIETNAM REGISTER PHÒNG TÀU BIỂN

SEA-GOING SHIP CLASSIFICATION AND REGISTRY DEPARTMENT

ĐỊA CHỈ
ADDRESS 18 PHAM HUNG, HA NOI

TEL: (84) 4 7684701

FAX: (84) 4 7684722

Web site: www.vr.org.vn

THÔNG BÁO KỸ THUẬT- TECHNICAL INFORMATION

Ngày: 01/08/2007

Số thông báo: 024KT/07TB

Nội dung: Áp dụng định nghĩa mới về tàu chở hàng rời của Sửa đổi, bổ sung năm 2004 của Công ước SOLAS 74.

Kính gửi: Các Chủ tàu/ Công ty quản lý tàu chạy tuyến quốc tế
Các Đơn vị thiết kế tàu biển
Các Nhà máy đóng tàu
Các Chi cục Đăng kiểm tàu biển

Tại khoá họp lần thứ 79 (tháng 12 năm 2004), Uỷ ban An toàn hàng hải (MSC) của Tổ chức Hàng hải quốc tế (IMO) đã thông qua Nghị quyết MSC.170(79) về việc sửa đổi, bổ sung Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển, 1974 (SOLAS 74). Sửa đổi, bổ sung này có hiệu lực áp dụng từ ngày 01 tháng 07 năm 2006 và đưa ra định nghĩa mới về tàu chở hàng rời (Bulk Carrier) tại Quy định XII/1.1.

Dưới đây là hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam về vấn đề nêu trên để đảm bảo việc áp dụng thống nhất định nghĩa mới đối với tàu chở hàng rời, phù hợp với các yêu cầu liên quan của Công ước SOLAS 74.

1. Phân biệt tàu hàng rời theo định nghĩa của Công ước SOLAS

1.1 Trong Công ước SOLAS có hai định nghĩa khác nhau về tàu chở hàng rời như sau:

	Quy định của SOLAS	
	Quy định 1.6, Chương IX	Quy định 1.1, Chương XII
Tiếng Việt	<i>Tàu chở hàng rời</i> là tàu được đóng với một boong, có các kết đỉnh mạn và kết hông trong khu vực chứa hàng, được dự định chủ yếu là để chở hàng khô dưới dạng xô, và bao gồm cả các kiểu tàu như tàu chở quặng và tàu chở hàng hỗn hợp.	<i>Tàu chở hàng rời</i> là tàu được dự định chủ yếu để chở hàng khô dưới dạng xô, bao gồm cả các kiểu tàu như tàu chở quặng và tàu chở hàng hỗn hợp.
Tiếng Anh	<i>Bulk carrier</i> means a ship which is constructed generally with single deck, top-side tanks and hopper side tanks in cargo spaces, and is intended primarily to carry dry cargo in bulk, and includes such types as ore carriers and combination carriers.	<i>Bulk carrier</i> means a ship which is intended primarily to carry dry cargo in bulk, including such types as ore carriers and combination carriers.

1.2 Từ hai định nghĩa nói trên, có thể nhận thấy:

.1 Tàu chở hàng rời theo định nghĩa tại Quy định IX/1.6 được xác định chủ yếu thông qua cấu hình kết cấu của khu vực chứa hàng của tàu. Ngoại trừ tàu chở quặng và tàu chở hàng hỗn hợp, các tàu khác chỉ được coi là "*Tàu chở hàng rời*" khi chúng có cấu hình kết cấu khu vực chứa hàng phù hợp với quy định này.

.2 Tàu chở hàng rời theo định nghĩa tại Quy định XII/1.1 được xác định thông qua loại hàng dự định chuyên chở chủ yếu của tàu, không quan tâm đến cấu hình kết cấu của khu vực chứa hàng.

.3 Theo cả hai định nghĩa nói trên, tất cả các tàu chở quặng và tàu chở hàng hỗn hợp đều là tàu chở hàng rời.

.a "*Tàu chở quặng*" là tàu được đóng hoặc hoán cải với kết cấu một boong, hai vách dọc và đáy đôi trên suốt chiều dài khu vực chứa hàng và chỉ có khoang ở giữa tâm tàu được dùng để chứa hàng quặng.

.b "*Tàu chở hàng hỗn hợp*" là các tàu được thiết kế để chở hoặc dầu hoặc chở hàng khô dưới dạng xô, chẳng hạn như tàu chở quặng/ dầu và tàu chở quặng/ hàng rời/ dầu.

1.3 Như vậy, theo Quy định XII/1.1 các tàu chở hàng tổng hợp (General Cargo) có tổng dung tích từ 500 trở lên, được đóng từ ngày 01 tháng 07 năm 2006, bất kể có cấu hình kết cấu khu vực chứa hàng như thế nào, khi được sử dụng để chở xô hàng khô và trong thiết kế của tàu nêu rõ loại hàng tàu được phép chở, thì được coi là "tàu chở hàng rời".

Tuy nhiên, nếu các tàu này không có cấu hình kết cấu ở khu vực chứa hàng như được định nghĩa tại Quy định IX/1.6 thì:

.a Không phải áp dụng chương trình kiểm tra nâng cao (ESP) theo Quy định XI-1/2 và Nghị quyết A.744(18) của IMO, và không được trao dấu hiệu bổ sung "ESP" trong ký hiệu cấp tàu.

.b Không bắt buộc phải trang bị xuống cứu sinh kiểu hạ rơi tự do theo Quy định III/31.1.8.

.c Vẫn có thể được miễn giảm việc trang bị các bộ quần áo bơi chống mất nhiệt theo Quy định III/32.3.

.d Không được coi là "tàu chở hàng rời" trong việc áp dụng các yêu cầu về quản lý an toàn theo Chương IX.

2. Hướng dẫn việc áp dụng các quy định liên quan đối với tàu chở hàng rời theo định nghĩa mới của Quy định XII/1.1

2.1 Thẩm định thiết kế

.1 Đối với tàu chở hàng tổng hợp (General Cargo) được đóng từ ngày 01 tháng 07 năm 2006, trong thiết kế của tàu phải nêu rõ loại hàng mà tàu dự định vận chuyên như sau:

.a Nếu tàu chỉ chở hàng bao kiện (bale cargo), không phải áp dụng các yêu cầu của Chương XII.

- b Nếu tàu có chở xô các loại hàng khô (than, clinker, cát, ...), thì phải áp dụng các yêu cầu của Chương XII. Trong hồ sơ thiết kế tàu, đặc biệt là Thuyết minh chung, Thông báo ổn định và Hướng dẫn xếp tải (đối với tàu có chiều dài lớn hơn 80 m) phải nêu rõ các loại hàng khô mà tàu dự định chở xô

.2 Khi các tàu nêu ở .1 dự định được sử dụng để chở xô hàng khô, chúng phải tuân thủ các yêu cầu được nêu trong Hướng dẫn giám sát kỹ thuật tàu biển B-28 "Hướng dẫn kiểm tra và cấp giấy chứng nhận phù hợp theo bộ luật BC".

2.2 Áp dụng các yêu cầu của Chương XII đối với được tàu đóng từ ngày 01 tháng 07 năm 2006

.1 Tàu có chiều dài mạn khô Lf nhỏ hơn 150 mét

Tàu phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

- a Phải trang bị máy tính xếp tải (loading computer) có khả năng đánh giá ổn định nguyên vẹn được phê duyệt. (Quy định XII/11.3)
- b Phải trang bị hệ thống báo động và phát hiện nước trong hầm hàng, kết dẫn và khoang khô. (Qui định XII/12)
- c Phải trang bị phương tiện rút khô nước cho các kết dẫn ở phía trước vách chống va và khoang khô mà phần bất kỳ của khoang này nằm ở trước của hầm hàng mũi. (Qui định XII/13)
- d Nắp hầm hàng phải được bảo dưỡng theo Nghị quyết MSC.169(79) "Tiêu chuẩn dành cho chủ tàu kiểm tra và bảo dưỡng nắp hầm hàng tàu chở hàng rời" của IMO.

.2 Tàu có chiều dài mạn khô Lf từ 150 mét trở lên

Bên cạnh việc tuân thủ các yêu cầu đối với tàu có chiều dài mạn khô Lf nhỏ hơn 150 m trở lên, tàu phải thoả mãn các quy định sau đây của Chương XII:

- a Yêu cầu về ổn định tai nạn. (Quy định XII/4)
- b Yêu cầu về sức bền kết cấu. (Quy định XII/5)

2.3 Ký hiệu cấp thân tàu

Khi tàu chở hàng tổng hợp, có tổng dung tích từ 500 trở lên, hoạt động tuyến quốc tế, đáp ứng đầy đủ các nội dung nêu ở 2.1 và 2.2 nói trên sẽ được trao dấu hiệu bổ sung sau đây trong ký hiệu cấp thân tàu:

Bulk Carrier (BC-XII)

Đồng thời, tàu được cấp "Giấy chứng nhận phù hợp theo Bộ luật thực hành an toàn đối với hàng rời rấn chở xô" (BC Code Fitness Certificate) phù hợp với Hướng dẫn giám sát kỹ thuật tàu biển B-28.

Dưới đây là ví dụ về ký hiệu cấp thân tàu trao cho tàu chở hàng rời đóng từ ngày 01 tháng 07 năm 2006:

- a Tàu được đóng với cấu hình ở khu vực chứa hàng với một boong, có các kết đỉnh mạn và kết hông, được dùng để chở hàng bao kiện, hàng khô dưới dạng xô, ...:

***VRH Bulk Carrier ESP**

- b Tàu được đóng với cấu hình bất kỳ ở khu vực chứa hàng, được dùng để chở hàng khô dưới dạng xô:

***VRH Bulk Carrier (BC-XII)**

Thông báo kỹ thuật này được nêu trong mục: *Thông báo của VR/ Thông báo kỹ thuật TB* của trang tin điện tử của Cục Đăng kiểm Việt Nam: <http://www.vr.org.vn>

Nếu Quý cơ quan cần thêm thông tin về vấn đề nêu trên, đề nghị vui lòng liên hệ:

Cục Đăng kiểm Việt Nam, Phòng Tàu biển

Địa chỉ: 18 Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: + 4 7684701 (số máy lẻ: 521)

Fax: +4 7684722

Thư điện tử: hainv@vr.org.vn

Xin gửi đến các Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

TRƯỞNG PHÒNG TÀU BIỂN

Nơi nhận:

-Như trên

-QP, CTB, VRQC, MT

-Lưu TB

Nguyễn Vũ Hải